TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THUỶ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THUỶ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Cường và bà Cái Thị Duyên

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hương Thuỷ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa***: Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại Toà án nhân dân thị xã Hương Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi về con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Số X đường V, tổ Y, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Số A đường P, tổ Z, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 12 năm 2020 và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thị xã H), tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, anh T đánh đập chị N. Chị N và anh T sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, không quan tâm nhau. Nay chị N không còn tình cảm và không thể trở về chung sống với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con: Chị N và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Châu T1, sinh ngày 18/8/2004 và Nguyễn Diệu T2, sinh ngày 22/9/2014. Chị N yêu cầu

được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thiện, giao cháu T1 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến 18 tuổi. Chị N và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn Thành trình bày: Anh và chị N có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 10/12/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H (nay là phường T, thị xã H), tỉnh Thừa Thiên Huế như chị N trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh T thừa nhận có đánh chị N nhưng đó là chuyện xảy ra đã lâu. Nay chị Nở yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Anh T và chị N có 02 người con chung như chị N trình bày. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý giao cháu Nguyễn Diệu T2, sinh ngày 22/9/2014 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Châu T1, sinh ngày 18/8/2004 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến 18 tuổi. Chị N và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại nơi cư trú của anh T, bà Huỳnh Thị T4, tổ trưởng Tổ dân phố X, phường T cho biết: Hiện tại, anh T và chị N không chung sống với nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thì bà không biết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn cơ bản chấp hành quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Lê Thị N, cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T; giao cháu Nguyễn Diệu T2 cho chị Lê Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Châu T1 cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; Chị N và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H (nay là phường T, thị xã H), tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T và chị N đều thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng quá trình Tòa án mời tham gia hòa giải đã vắng mặt, không thể hiện thiện chí muốn đoàn tụ vợ chồng. Mặt khác, anh T cũng không đưa ra được giải pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ

chồng khi hai người sống ly thân. Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Châu T1, sinh ngày 18/8/2004 và Nguyễn Diệu T2, sinh ngày 22/9/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Thiện ở với chị N, cháu T1 ở với anh T. Nay, chị N và anh T đều thống nhất giao cháu Thiện cho chị N, giao cháu T1 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế và có căn cứ theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Chị N và anh T thống nhất không cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N, chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Diệu T2, sinh ngày 22/9/2014 cho chị Lê Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Châu T1, sinh ngày 18/8/2004 cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng đến cho khi đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0001246 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị Lê Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- CCTHADS TX. Hương Thủy;
- UBND phường T, TX H;
(ĐKKH số 55 ngày 10/12/2004)
- Các đương sự.
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phương Thảo